

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diệp Huyền Thảo

Ông Nguyễn Trung Vẹn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: N.109, A. 39, L. 79, S, Dacun T1, Changhua C Taiwan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và Nguyễn Thái H tự nguyện cưới nhau 2012 có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2012 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới nhau chị làm dâu bên nhà chồng được 6 tháng thì anh chị về nhà cha mẹ chị sống, quá trình chung sống anh H uống rượu bê tha, chị góp ý thì anh H đánh đập. Sau đó anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Trong thời gian ly thân anh H và gia đình bên chồng không quan tâm đến chị và con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên quyết định ly hôn.

Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không thiếu nợ ai. Về con chung có 01 con chung tên: Nguyễn Thái A1, sinh ngày 06/6/2015, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thái H đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thời gian hòa giải và xét xử nhưng anh Nguyễn Thái H không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T và cũng không có nộp tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Do chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ kiện đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Thái H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nay chị T yêu cầu ly hôn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh H ly hôn với nhau. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thái A1, sinh năm 2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thái H, do anh H có nơi cư trú và làm việc tại Đài Loan nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thái H vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thái H kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T, anh H là hợp pháp. Thời gian chung sống theo chị T khai giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, anh chị ly thân từ tháng 06/2015 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân, anh H không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị T và anh H

không có liên lạc với nhau. Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị T, anh H không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thái H ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thái H có một con chung là cháu Nguyễn Thái A1, sinh ngày 06/6/2015, sau ly hôn chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu A1 từ lúc sinh đến hiện nay đều đang sống chung với chị T, được chị T chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Anh H không có ý kiến về việc nuôi con, hiện nay anh H đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A1. Do đó giao cháu Nguyễn Thái A1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: chị T khai không có

[4] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên. Vì vậy chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, chị Phạm Thị T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[6] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thái H.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thái A1, sinh ngày 06/6/2015, cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

5. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0008842 ngày 14/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, chị T đã nộp đủ.

6. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007276 ngày 11/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TpHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan